

Số: 01.2026/CBNL-CT

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng)

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

ĐẾN Số:
Ngày: 19/10/26

Chuyển:

Lưu hồ sơ:

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 10 năm 2026

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

(HS kèm theo)

Căn cứ Nghị định 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Công ty Tư vấn Kiểm định và Xây dựng Chính Tâm (TNHH) công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Công ty Tư vấn Kiểm định và Xây dựng Chính Tâm (TNHH)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100238166 cấp ngày 26 tháng 05 năm 2020 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.
- Địa chỉ: Số 107, đường Sur Vạn Hạnh, phường Đăk Cẩm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
- Người đại diện theo pháp luật: Hà Văn Quang Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại /Fax: 02603.913.202 - Email : Lasxd549@gmail.com

Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình

- Địa chỉ : Lô số 03, N5-4, Làng nghề Hnor, phường Đăk Bla, tỉnh Quảng Ngãi
- Trưởng phòng: Nguyễn Hữu Dũng
- Điện thoại: 0903.527.879; 0388.839.278

2. Trạm thí nghiệm hiện trường: Không

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm

T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT		
1	Phương pháp xác định - Khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195-2012; AASHTO T100-90; ASTM D854
2	Phương pháp xác định - Độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196-2012; AASHTO T265-90; ASTM D2216
3	Phương pháp xác định - Giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm: (Xác định giới hạn chảy; Giới hạn dẻo)	TCVN 4197-2012; AASHTO T89-90; ASTM D4318
4	Phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm (Phương pháp sàng; Phương pháp tỷ trọng kế)	TCVN 4198-2014; ASTM D136
5	Phương pháp xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199-1995
6	Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm (không nở hông)	TCVN 4200-2012
7	Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm; Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 4201-2012; TCVN 12790-2020; AASHTO T99-90; AASHTO T180-90; ASTM D698
8	Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202-2012; AASHTO T204
9	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792-2020; AASHTO T193-91
10	Phương pháp xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434; AASHTO T215; BS 1377-5

11	Phương pháp xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
12	Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8724:2012
13	Đất sét để sản xuất gạch, ngói nung - Phương pháp thử cơ lý	TCVN 4345-1986

PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA XI MĂNG		
14	Phương pháp xác định độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 13605-2023; AASHTO T128-90
15	Phương pháp xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017-2015; ISO 9597 - 2008
16	Phương pháp thử - xác định cường độ	TCVN 6016 -2011; ISO 679 - 2009
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA CỐT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
17	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO C1-36-84A
18	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84-94
19	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006;
20	Xác định Khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19
21	Xác định Độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; AASHTO T265
22	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ; AASHTO T11 ; ASTM C117
23	Xác định Tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; AASHTO T21
24	Xác định Cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
25	Xác định Độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
26	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572- 12:2006; AASHTO T96
27	Xác định Hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791

28	Xác định Hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
29	Xác định Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
30	Xác định Hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
31	Xác định đương lượng cát	ASTM D2419-02
32	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
33	Phương pháp xác định độ bền cắt trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG XI MĂNG		
34	Phương pháp xác định độ sụt	TCVN 3106:2022; AASHTO T119 ; ASTM C143
35	Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
36	Phương pháp xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109:2022
37	Phương pháp xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022
38	Phương pháp xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
39	Phương pháp xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022
40	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
41	Phương pháp xác định cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA VỮA XÂY DỰNG		
42	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dằn)	TCVN 3121-3:2022
43	Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 3121-8:2022
44	Xác định Cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
45	Xác định Độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
46	Xác định Khối lượng thể tích của mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
47	Xác định Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA GẠCH XÂY		
48	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
49	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
50	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
51	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
52	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009

	PHÉP THỬ CƠ LÝ CỦA GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
53	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định Cường độ chịu nén	TCVN 6476:1999
54	Xác định Độ hút nước - Phương pháp thử	TCVN 6355:2009
	PHÉP THỬ CƠ LÝ CỦA GẠCH BLỐC BÊ TÔNG	
55	Gạch Bê tông: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định Cường độ nén; Xác định Độ rỗng	TCVN 6477:2016
56	Phương pháp thử - Độ hút nước	TCVN 6355:2009
	PHÉP THỬ CƠ LÝ CỦA NGÓI	
57	Ngói đất sét nung và phụ kiện - Phương pháp thử	TCVN 4313:2023
58	Ngói đất sét nung và phụ kiện - Xác định Khuyết tật ngoại quan	TCVN 1452:2023
	PHÉP THỬ CƠ HỌC CỦA KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN	
59	Kim loại - Phương pháp thử kéo	TCVN 197-2014
60	Vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 198-2008
61	Mối hàn - Phương pháp thử kéo	TCVN 5403-1991
62	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401-2010
	PHÉP THỬ CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA DUNG DỊCH BENTONITE	
63	Xác định Tỷ trọng; Xác định Độ nhớt; Xác định Hàm lượng cát; Xác định Độ PH	TCVN 11893:2017
	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BỘT KHOÁNG CHẤT	
64	Phương pháp thử - Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa	TCVN 12884-2:2020; AASHTO T37
65	Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012
66	Phương pháp xác định khối lượng riêng của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012
67	Phương pháp thử - Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa: Xác định Thành phần hạt; Xác định Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; Xác định Hệ số hao nước; Xác định Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Xác định Lượng mất khi nung	TCVN 12884-2:2020
	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BI TUM	
68	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495-2005; ASTM D 5

69	Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496-2005; ASTM D 113
70	Phương pháp xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng-và-bi)	TCVN 7497-2005; ASTM D 36
71	Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498-2005; ASTM D 92
72	Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504-2005
73	Phương pháp xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501-2005; ASTM D 70
74	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499-2005; ASTM D6
75	Phương pháp xác định độ hòa tan trong Trichloroethylene và N-propyl Bromide	TCVN 7500:2023; ASTM D2042
PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG NHỰA		
76	Phương pháp xác định Độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245
77	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164
78	Phương pháp xác định Thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
79	Xác định Tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; AASHTO T209
80	Xác định Tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
81	Xác định Độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
82	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
83	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
84	Xác định Độ rỗng của cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
85	Xác định Độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
86	Xác định Khối lượng riêng của cốt liệu trong bê tông nhựa	TCVN 8860:2011
87	Xác định Độ bền chịu nước của BTN khi bảo hoà nước lâu	22 TCN 62-1984
THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
88	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861-2011
89	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng benkelman	TCVN 8867-2011
90	Phương pháp xác định Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (Phương pháp rót cát)	22TCN 346-2006; AASHTO T191-86
91	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường (phương pháp dao đai)	TCVN 12791:2020; TCVN 8729-2012

92	Phương pháp xác định Độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
93	Phương pháp xác định độ nhám mặt bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
94	Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bêt này	TCVN 9334:2012
95	Đất xây dựng – Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022
96	Phương pháp xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731: 2012
97	Xác định hệ số thấm của đất đá chứa nước bằng phương pháp hút nước thí nghiệm từ các lỗ khoan	TCVN 9148: 2012
98	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan	TCVN 9149: 2012

2. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ

1.	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - TQ. Hãng SX: XIYI - Chiết Giang	
2.	Máy nén bê tông 2000 KN-XIYI- TQ Model: TYE-2000 (Code: TN025)	
3.	Máy nén, uốn xi măng - Model: TE216; T.TECH	
4.	Máy nén đất tam liên, TQ Model: WG-1C (Code: TN099)	
5.	Máy cắt đất 2 tốc độ - TQ Model: EDJ - 1 (ZJ) (Code: TN101)	
6.	Cung lực 30 KN - TQ, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm, (Code: TN013) (Thí nghiệm Marshall)	
7.	Cung lực 50 KN - TQ, (Code: TN105) đồng hồ chỉ thị 10x0,001mm. (Thí nghiệm CBR)	
8.	Thiết bị kim lún nhựa - T.TECH, Model: TB129.	
9.	Cân điện tử 15kg x 0,5g -GS-ACL (TQ)	
10.	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS (Mỹ); Model: BC6	
11.	Cân điện tử 15kg x 0.5g - OHAUS (Mỹ); Model: BC15	
12.	Kích thuỷ lực 32 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực	
13.	Đồng hồ so, dải đo 10 x 0,01mm - TQ	
14.	Máy ly tâm tách nhựa - T.TECH, Model: TB009	
15.	Thiết bị giãn dài nhựa - T.TECH, Model: TB115	
16.	Máy thử độ mài mòn Los Angeles-T.TECH, Model: TA638	
17.	Tủ sấy 300°C, model 101-1; 70 lít - TQ	
18.	Lò nung 1000°C - TQ; 2,5-10 (Code: TN008)	

19.	Bộ gá uốn mẫu BT 2 điểm- T.TECH, Model:TC150	
20.	Khuôn trụ đk150 x 300 -T.TECH, Model: TC409	
21.	Đế Capping D150mm - T.TECH, Model: TC434	
22.	Khuôn lập phương 150x150x150-TQ, Code: TN038	
23.	Bàn rung mẫu bê tông 800x800 - TQ, Code: TN042	
24.	Khuôn bê tông 200x200x200 -TQ; Code: TN039	
25.	Côn thử độ sụt bê tông N1 - T.TECH Model: TC328	
26.	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160 - T.TECH Model: TE237	
27.	Bộ gá nén mẫu XM 40x40 - T.TECH Model: TE232	
28.	Bộ gá uốn mẫu gạch xây - T.TECH Model: TE241	
29.	Dụng cụ VICA - T.TECH Model: TE064 Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	
30.	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH, Model: TE094	
31.	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ; (Code: TN066)	
32.	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn -TQ, Model: ZS-15 (TN063)	
33.	Khuôn xi măng Le Chaterlier - TQ, (Code: TN070)	
34.	Bình tỷ trọng xi măng – TQ. Model: TE011	
35.	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm D200 – TQ. Model: TA294	
36.	Bàn dẫn vữa xi măng - T.TECH. Model: TE134	
37.	Phễu xác định khả năng giữ độ lư động của vữa - T.TECH; Model: TE033	
38.	Protor cải tiến: cối TS195 + chày TS198 - T.TECH	
39.	Protor tiêu chuẩn: cối TS193 + chày TS196 - T.TECH	
40.	Khuôn CBR - T.TECH. Model: TS250	
41.	Đĩa phân cách - T.TECH: Model: TS252	
42.	Sàng cát tiêu chuẩn D200mm - TQ bao gồm các cỡ từ 70-0,075mm, đáy và nắp	
43.	Tỷ trọng kế 0,995-1,030 - TQ (Code: TV302)	
44.	Tỷ trọng kế 0- 60g - TQ(Code: TV303)	
45.	Bộ TN chảy casagrande; Model: TS187	
46.	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Model: TS169	
47.	Bộ xi lanh nén đập đá D75-T.TECHModel: TA662	
48.	Bộ xi lanh nén đập đá D150-T.TECH. Model: TA661	
49.	Bộ xác định đương lượng cát - T.TECH. Model: TS158	
50.	Bộ xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá), T.TECH; TS728	
51.	Bộ xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) T.TECH; TS729	
52.	Bảng màu chuẩn - T-TECH. Model: TS101	
53.	Phễu xác định độ xốp của đá - T.TECH. Model: TA754	

54.	Phễu xác định độ xốp của cát - T.TECH. Model: TA755	
55.	Hộc đong 1 lít-T.TECH. Model: TC347	
56.	Hộc đong 2 lít-T.TECH. Model: TC348	
57.	Hộc đong 3 lít-T.TECH. Model: TC349	
58.	Hộc đong 5 lít-T.TECH. Model: TC350	
59.	Hộc đong 10 lít-T.TECH. Model: TC352	
60.	Hộc đong 20 lít-T.TECH. Model: TC355	
61.	Bình tỷ trọng đất 100cc – TQ. Model: TV157	
62.	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH. Model: TS119	
63.	Thuốc xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH. Model: TA637	
64.	Dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát - T.TECH	
65.	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ-T.TECH. Model: TS342	
66.	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH. Model: TS036. kèm 03 lưỡi dao TS084-01	
67.	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh - T.TECH	
68.	Bộ cần Benkenman - T.TECH	
69.	Thuốc phẳng 3m - T.TECH/TQ. (Code: TN022)	
70.	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát; Model: TB230	
71.	Hộp thấm đất nam kinh - Trung Quốc Model: TST-55 (Code: TN096)	
72.	Bộ thấm đất cột nước không đổi - TQ Model: TST-70 (Code: TN097)	
73.	Bộ trương nở đất - TQ; WZ-II (Code: TN098)	
74.	Bảng cột nước thấm đơn; TS355	
75.	Bộ gá ép 2 nửa Thí nghiệm Marshall -T.TECH;	
76.	Bộ chày đầm marshall bằng tay - T.TECH. Model: TB058	
77.	TB052: Thân khuôn Marshall	
78.	Thùng ôn nhiệt - T.TECH. Model: TB106	
79.	Bộ xác TN bốc cháy nhựa - T.TECH. Model: TB183	
80.	Thiết bị TN hoá mềm nhựa-T.TECH. Model: TB150	
81.	Thiết bị XD tổn thất khi nung-T.TECH	
82.	Chén sứ chịu nhiệt - TQ; Model: TV196	
83.	Bát sứ thí nghiệm - TQ; Model: TV182	
84.	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 100 C - TQ	
85.	Nhiệt kế kim loại 0-250C;	
86.	Ống đong 50 ml	
87.	Ống đong 100 ml	
88.	Ống đong 250 ml	
89.	Ống đong 500 ml,	

90.	Ống đong 1000 ml	1C	
91.	Bình tam giác 50ml; -TQ		
92.	Bình tam giác 100ml; -TQ		
93.	Bình tam giác 250ml; -TQ		
94.	Bình tam giác 500ml; -TQ		
95.	Bình tam giác 1000ml;-TQ		
96.	Khay trộn mẫu 20 x 30		
97.	Khay trộn mẫu 550x550x50- T.TECH		
98.	Bình hút ẩm - TQ		
99.	Bộ cối chày bằng sứ - TQ		
100.	Chày cao su - T.TECH		
101.	Bơm chân không - TQ		
102.	Bình hút chân không 8 lít - TQ		
103.	Ống cao su		
104.	Đồng hồ chỉ thị áp - TQ		
105.	Thước kẹp tiêu chuẩn - TQ		
106.	Hộp ẩm bằng nhôm - T.TECH		
107.	Bếp cách cát 1000W / 220V - TQ		
108.	Quạt hơi ẩm - Nga		
109.	Bộ cối chày bằng Đồng - T.TECH		
110.	Pipét 5ml - TQ		
111.	Pipét 10ml - TQ		
112.	Đồng hồ bấm giây - TQ/Liên Xô		
113.	Bàn cân thủy tĩnh tiêu chuẩn - T.TECH		
114.	Rọ cân trong nước - T.TECH		

3. Danh sách thí nghiệm viên

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ được cấp
1	2	3	4	5
01	Nguyễn Hữu Dũng	1970	Kỹ sư địa chất ngành tìm kiếm thăm dò	- Khảo sát địa chất công trình Hạng I - Khảo sát địa chất công trình Hạng II - Khảo sát địa hình Hạng II - Giám đốc điều hành khai thác mỏ - Chủ nhiệm thăm dò - ISO/IEC 17025:2007 - Quản lý phòng thí nghiệm - Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy

02	Cao Hoàng Sang	1999	Kỹ sư cầu đường	- Thí nghiệm bê tông và vật liệu chế tạo bê tông
03	Võ Văn Trâm	1981	Kỹ sư khoan khai thác dầu khí	- Thí nghiệm đất xây dựng - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng
04	Phạm Minh Tuấn	1991	Cao đẳng xây dựng	- Thí nghiệm nhựa và bê tông nhựa
05	Nguyễn Như Vỹ	1982	Trung cấp xây dựng cầu đường	- Thí nghiệm vật liệu kim loại và liên kết hàn
06	Huỳnh Hữu Quốc	1985	Cao đẳng xây dựng	- Thí nghiệm các tính chất cơ lý của gạch xây dựng

Công ty Tư vấn Kiểm định và Xây dựng Chính Tâm (TNHH) chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố nêu trên./.

**CÔNG TY TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH VÀ XÂY DỰNG
CHÍNH TÂM (TNHH)**

Giám đốc



HÀ VĂN QUANG